

Bản án số: 643/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2020

“V/v Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Như Thủy

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em

2. Ông Nguyễn Đình Rành

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy-
Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần
Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 850/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm 1981 (có mặt)

Bị đơn: Bà Trần H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: NTT, phường T, Quận 7, Thành phố HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn L trình bày:

Ông và bà Trần H (gọi tắt bà H) qua thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm, sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2001, đăng ký kết hôn sau tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố HCM (giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2005 do UBND phường T, Quận 7, Thành phố HCM cấp ngày 01/7/2005)

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm, thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy

con, khó khăn kinh tế nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã cùng nhau khắc phục, nhưng không có kết quả.

Bà H đã bỏ nhà đi khoảng từ tháng 5/2019 đến nay, không liên lạc với ông và con cái. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông xác định có 02 người con chung họ tên

- Nguyễn Q (nam), sinh ngày 07/11/2002

- Nguyễn T, sinh ngày 18/4/2009.

Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai (02) con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có.

Việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào.

Tại phiên tòa hôm nay, ông xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà H.

Bị đơn bà H vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ Điều 26 đến Điều 39, việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ Điều 93 đến Điều 97, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng qui định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn: Ông L đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn: Bà H không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vì vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ý kiến vụ án: Ông L và bà H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố HCM theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40, quyển số 01/2005, ngày 01/7/2005.

Vợ chồng sống hạnh phúc được 12 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả.

Hai người sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Nay ông L nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu xin ly hôn với bà H.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông L yêu cầu được ly hôn với bà H là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Q, sinh ngày 07/11/2002 và Nguyễn T, sinh ngày 18/4/2009. Ông L yêu cầu là người trực tiếp nuôi 02 trẻ cho đến khi trẻ thành niên, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời 02 trẻ cũng có bản tự khai có nguyện vọng được ở với ông L nếu ba mẹ ly hôn. Xét thấy yêu cầu của ông L là có cơ sở để chấp nhận, ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Với các chứng cứ có trong hồ sơ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông L yêu cầu ly hôn với bà H, đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn bà H cư trú tại Quận 7, Thành phố HCM, nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà H mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà H theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Xét, về quan hệ hôn nhân:

Ông L và bà H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận 7, Thành phố HCM cấp ngày 01/7/2005), do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào Phiếu yêu cầu xác minh số ngày 22 tháng 06 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Công an phường B, Quận 7 trả lời: “Đương sự bà Trần H, sinh năm 1982 có hộ khẩu thường trú tại số NTT, khu phố 41A, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H bỏ đi từ năm tháng 5/2019, hiện ở đâu chưa xác định được”.

Căn cứ công văn số 11/PNP.BT ngày 23 tháng 07 năm 2020 của Hội liên hiệp phụ nữ phường T, Quận 7 trả lời: “Từ thời điểm xác minh, bà H đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ tháng 3/2019, ông L sing sống cùng 2 con tại địa chỉ số 210/4 NTT, phường T, Quận 7, Thành phố HCM”.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà H đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bà H vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử lấy lời khai của ông L về mâu thuẫn vợ chồng làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Theo lời trình bày của nguyên đơn ông L: Vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc 12 năm, nguyên nhân mâu thuẫn do thiếu sự tôn trọng nhau, không quan tâm chia sẻ với nhau từ cả 02 phía, bà H không có trách nhiệm với gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà H nữa, ông yêu cầu được ly hôn với bà H. Ông bà sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay.

Xét, mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng

đoàn tụ, mặt khác ông L xác định không còn tình cảm với bà H. Ông bà sống ly thân từ đầu 5/2019 đến nay. Do đó yêu cầu ly hôn của ông L là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Xét, về con chung: Ông L xác nhận có 2 con chung

- Nguyễn Q (nam), sinh ngày 07/11/2002

- Nguyễn T, sinh ngày 18/4/2009.

Ông L yêu được trực tiếp nuôi hai (02) con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con

Xét, do hiện nay 2 trẻ đang sống chung cùng nhà với ông L, bà H bỏ nhà đi từ tháng 3/2020 đến nay, không quan tâm con cái, để không làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt cũng như tránh làm ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ, nên để ông L được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông L.

Ghi nhận việc ông L không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Không có.

[2.4]. Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b, khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Xử:

[1]. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Trần H.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn L.

Xử, cho ông Nguyễn L được ly hôn với bà Trần H (Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố HCM cấp ngày 01/7/2005 không còn giá trị pháp lý).

[2.2]. Về con chung: Có 2 con chung, Nguyễn Q (nam), sinh ngày 07/11/2002 và Nguyễn T (nam), sinh ngày 18/4/2009.

Giao cho ông L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 (hai) con chung Nguyễn Q (nam), sinh ngày 07/11/2002 và Nguyễn T (nam), sinh ngày 18/4/2009. Ghi nhận việc ông Nguyễn L không yêu cầu bà Trần H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần H được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được miễn trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0032596 ngày 9/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, ông Nguyễn L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5]. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, ông Nguyễn L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, bà Trần H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP.HCM;
- VKS ND Quận 7;
- THA Dân sự Quận 7;
- UBND P.T,
Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (Tk.Thúy).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trương Như Thủy

